

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN
BINH DIEN FERTILIZER
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2025
Ho Chi Minh City, August 08th, 2025*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
To: State Securities Commission of Vietnam
Hochiminh Stock Exchange**

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**
Name of organization: BINH DIEN FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/ Stock code: **BFC**

- Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, Xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address: C12/21 Le Kha Phieu Street, Tan Nhut Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

- Điện thoại liên hệ/ Tel.: (84-28) 3756 0110 Fax: (84-28) 3756 0799

- E-mail: phanbon@binhdiem.com

Website: www.binhdiem.com



2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2025, bao gồm giải trình lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024 trong thuyết minh báo cáo tài chính.

Reviewed separate financial statements and consolidated financial statements for the first six months of 2025, including the profit explanation for the first six months of 2025 compared to the same period in 2024, as presented in the notes to the financial statements.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 08/08/2025 tại đường dẫn www.binhdiem.com.

This information was published on the company's website on 08/08/2025, as in the link www.binhdiem.com.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2025.
- *Reviewed financial statements for the first six months of 2025.*

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người được ủy quyền CBTT
Person authorized to disclose information



Trần Ngọc Hùng
Tran Ngoc Hung





BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính (hợp nhất) giữa niên độ	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	12 – 43
7. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình	44
8. Phụ lục số 02: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	45 - 46

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Phân bón Bình Điền trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất) của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (gọi tắt là “Công ty”) và 5 công ty con (gọi tắt là “Tập đoàn”) cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 đã được soát xét của Tập đoàn.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty CP Phân bón Bình Điền (tên giao dịch là: Binh Dien Fertilizer Joint Stock Company, tên gọi tắt là BFC) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 356/QĐ-HCVN ngày 6 tháng 6 năm 2008 của Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam) về việc cổ phần hóa Công ty Phân bón Bình Điền.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302975517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2011.

Trong quá trình hoạt động công ty đã được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 05 ngày 25 tháng 07 năm 2023.

Vốn điều lệ : 571.679.930.000 đồng (năm trăm bảy mươi một tỷ sáu trăm bảy mươi chín triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng).

Công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là BFC.

2. Trữ sở hoạt động**• Trữ sở chính**

Địa chỉ : C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (28) – 3756 1191

Fax : +84 (28) – 3756 0686

Mã số thuế : 0 3 0 2 9 7 5 5 1 7

• Thông tin về đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy phân bón Bình Điền Long An	Khu công nghiệp Long Định – Long Cang, xã Long Cang, tỉnh Tây Ninh

• Thông tin về công ty con

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu công nghiệp Long Định – Long Cang, xã Long Cang, tỉnh Tây Ninh	Thể thao, quảng cáo	100%	100%	100%	100%	100%	100%
2.	Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
3.	Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong	Lô A10.1, đường D3, KCN Thành Thành Công, phường Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
4.	Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
5.	Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, phường Đông Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

• **Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch	29/04/2025	
Ông Đỗ Quang Huy	Thành viên	29/04/2025	
Ông Ngô Văn Đông	Thành viên	29/04/2025	
Ông Lê Quốc Phong	Thành viên	24/06/2020	29/04/2025
Ông Nguyễn Bảo Vệ	Thành viên	29/04/2025	
Ông Phan Văn Tâm	Thành viên	29/04/2025	

• **Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trương Minh Phú	Trưởng ban	24/06/2020	29/04/2025
Ông Nguyễn Huy Hiếu	Trưởng ban	29/04/2025	
Ông Quàn Đình Gang	Thành viên	29/04/2025	
Bà Bùi Nguyễn Phương Anh	Thành viên	29/04/2025	

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

• Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Văn Đông	Tổng Giám đốc	30/12/2020	
Ông Phan Văn Tâm	Phó Tổng Giám đốc	17/10/2023	
Ông Võ Văn Phú	Phó Tổng Giám đốc	21/05/2021	
Ông Trần Ngọc Hùng	Kế toán trưởng	01/09/2022	

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Ngô Văn Đông – Tổng Giám đốc Công ty.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh giữa niên độ

Kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ và tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ từ trang 08 đến trang 46.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Tập đoàn.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Tập đoàn, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

TM. Ban Tổng Giám đốc



NGÔ VĂN ĐÔNG

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2025



Số: 2407/25/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ kèm theo của công ty mẹ là Công ty Cp Phân bón Bình Điền (gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 06 tháng 8 năm 2025, từ trang 08 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Kết quả kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ. Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính (hợp nhất) giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính (hợp nhất) giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2025

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN số: 1512-2023-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.967.643.229.541	2.608.895.504.667
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	354.150.643.457	626.550.473.599
111	1. Tiền		354.150.643.457	195.462.117.599
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	431.088.356.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		4.500.000.000	10.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	4.500.000.000	10.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.144.006.790.617	463.775.594.905
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	1.155.390.687.144	499.278.076.972
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	31.382.423.957	6.432.901.104
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	14.720.257.956	14.620.732.585
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(57.486.578.440)	(56.556.115.756)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	1.425.867.200.742	1.466.096.874.567
141	1. Hàng tồn kho		1.426.452.462.609	1.466.682.136.434
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(585.261.867)	(585.261.867)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		39.118.594.725	41.972.561.596
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	7.770.950.070	5.977.308.328
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		30.852.813.566	35.707.246.158
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.17	494.831.089	288.007.110
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		629.974.829.946	668.424.545.526
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.657.512.545	4.650.098.980
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	4.657.512.545	4.650.098.980
220	II. Tài sản cố định		605.237.686.487	633.070.762.630
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	395.186.712.222	420.378.238.412
222	- Nguyên giá		1.288.964.221.124	1.276.661.250.904
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(893.777.508.902)	(856.283.012.492)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.10	7.938.702.826	9.103.043.329
225	- Nguyên giá		9.978.606.100	11.819.606.100
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.039.903.274)	(2.716.562.771)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	202.112.271.439	203.589.480.889
228	- Nguyên giá		245.260.243.857	245.068.418.857
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(43.147.972.418)	(41.478.937.968)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		8.441.202.310	7.684.706.260
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	8.441.202.310	7.684.706.260
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.13	5.161.315.268	5.161.315.268
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.661.918.871	11.661.918.871
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(6.500.603.603)	(6.500.603.603)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.477.113.336	17.857.662.388
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	6.477.113.336	2.671.767.728
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	15.185.894.660
269	3. Lợi thế thương mại	V.14	-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.597.618.059.487	3.277.320.050.193

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.044.166.624.498	1.759.956.299.456
310	I. Nợ ngắn hạn		2.036.099.809.747	1.743.091.417.540
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.15	640.484.498.481	468.008.730.488
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.16	15.146.238.344	21.599.877.173
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.17	151.554.277.966	151.533.525.841
314	4. Phải trả người lao động		136.134.396.929	126.684.004.459
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.18	249.600.381.132	147.592.037.973
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.19	10.936.978.100	15.255.393.272
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20a	758.569.468.081	771.601.318.553
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	3.500.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.21	73.673.570.714	37.316.529.781
330	II. Nợ dài hạn		8.066.814.751	16.864.881.916
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	7.579.260.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.20b	8.066.814.751	9.285.621.916
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.553.451.434.989	1.517.363.750.737
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.22	1.553.451.434.989	1.517.363.750.737
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		571.679.930.000	571.679.930.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		571.679.930.000	571.679.930.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		24.230.059.200	24.230.059.200
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		234.329.490.235	215.631.331.436
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		13.191.833.055	13.191.833.055
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		435.835.226.236	432.999.233.030
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		227.518.851.574	104.576.878.152
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		208.316.374.662	328.422.354.878
429	6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		274.184.896.263	259.631.364.016
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.597.618.059.487	3.277.320.050.193

Người lập biểu



HUỲNH THỊ LAN ANH

Kế toán trưởng



TRẦN NGỌC HÙNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám Đốc



NGÔ VĂN ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	6.181.520.191.854	4.929.025.036.606
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	92.695.299.797	72.567.926.994
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.088.824.892.057	4.856.457.109.612
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	5.301.358.048.140	4.104.028.681.450
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		787.466.843.917	752.428.428.162
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	12.364.954.624	12.677.241.666
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	31.852.466.743	46.988.120.116
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		17.942.679.961	34.163.162.786
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	329.281.998.645	302.243.057.100
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	117.434.815.467	87.745.119.724
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		321.262.517.686	328.129.372.888
31	12. Thu nhập khác	VI.8	1.325.596.439	1.022.787.313
32	13. Chi phí khác	VI.9	551.491.318	3.764.629.082
40	14. Lợi nhuận khác		774.105.121	(2.741.841.769)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		322.036.622.807	325.387.531.119
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.17	48.197.725.317	49.390.433.339
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		15.185.894.660	12.142.712.900
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		258.653.002.830	263.854.384.880
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		208.316.374.662	232.455.065.428
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		50.336.628.168	31.399.319.452
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	3.280	3.567
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11	3.280	3.567

Người lập biểu

HUỖNH THỊ LAN ANH

Kế toán trưởng

TRẦN NGỌC HÙNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2025



Tổng Giám Đốc

NGÔ VĂN ĐÔNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	V.17	322.036.622.807	325.387.531.119
	2. Điều chỉnh cho các khoản		56.764.318.865	86.389.706.281
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.9; V.10; V.11	46.281.300.886	47.149.896.763
03	- Các khoản dự phòng		(2.569.537.316)	6.430.462.166
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(32.038.841)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.4; VI.8	(4.858.085.825)	(1.353.815.434)
06	- Chi phí lãi vay	VI.5	17.942.679.961	34.163.162.786
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		378.800.941.672	411.777.237.400
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(676.521.463.348)	(585.207.118.336)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		40.229.673.825	307.053.450.290
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		270.426.215.441	440.065.643.519
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(5.598.987.350)	2.508.202.600
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(18.410.038.965)	(39.284.427.906)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.17	(47.493.696.308)	(36.072.127.834)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	V.21	1.281.567.500	200.000.000
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	V.21	(21.371.754.573)	(21.882.707.852)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(78.657.542.106)	479.158.151.881
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	V.9; V.11; V.12	(20.420.202.962)	(24.416.000.008)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		804.200.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(10.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		6.000.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.4	4.171.599.294	1.353.815.434
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(9.444.403.668)	(33.562.184.574)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
33	2. Tiền thu từ đi vay	V.20	1.883.025.199.704	1.722.628.755.875
34	3. Tiền trả nợ gốc vay	V.20	(1.895.910.790.176)	(2.183.929.816.674)
35	4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	V.20	(1.365.067.165)	(2.437.853.176)
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	VII.1	(170.079.265.572)	(159.497.878.100)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(184.329.923.209)	(623.236.792.075)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(272.431.868.983)	(177.640.824.768)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	626.550.473.599	607.044.366.543
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		32.038.841	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	354.150.643.457	429.403.541.775

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám Đốc

HUỖNH THỊ LAN ANH

TRẦN NGỌC HÙNG

NGÔ VĂN ĐÔNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty CP Phân bón Bình Điền và 05 công ty con (sau đây gọi là “Tập đoàn”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Phân bón Bình Điền (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ, máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Các công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 05 công ty.
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05 công ty.

Công ty con bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định - Long Cang, xã Long Cang, tỉnh Tây Ninh	Thể thao; Quảng cáo	100%	100%	100%	100%	100%	100%
2. Công ty CP Bình Điền MeKong	Lô A10.1, đường D3, KCN Thành Thành Công, phường Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh	SX, TM phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
3. Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng	SX, TM phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
4. Công ty CP Bình Điền Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	SX, TM phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
5. Công ty CP Bình Điền Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, phường Đông Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	SX, TM phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Phân bón Bình Điền Long An	Khu công nghiệp Long Định – Long Cang, xã Long Cang, tỉnh Tây Ninh

6. Số lượng nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 1.254 nhân viên, tại ngày đầu năm có 1.243 nhân viên.

7. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ

Tập đoàn đẩy mạnh các chương trình khuyến mãi nhằm thúc đẩy quy mô doanh thu, qua đó ghi nhận doanh thu thuần của Tập đoàn tăng 25,38% so với kỳ trước. Tuy nhiên, giá nguyên liệu sản xuất thành phẩm kỳ này tăng so với kỳ trước, khiến tỷ lệ lãi gộp kỳ này (12,93%) giảm so với kỳ trước (15,49%). Mặc dù doanh thu tăng mạnh, lợi nhuận gộp chỉ tăng nhẹ 4,66% so với kỳ trước do áp lực chi phí đầu vào. Bên cạnh đó, chi phí hoạt động kinh doanh (bao gồm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính) tăng 9,52% so với kỳ trước, gây thêm áp lực lên kết quả kinh doanh. Dưới tác động của việc tăng chi phí, lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này giảm 1,97% so với kỳ trước.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025, từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VNĐ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con. Các báo cáo tài chính của Công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Tập đoàn và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ và bảng cân đối kế toán (hợp nhất) giữa niên độ.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30/06/2025 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời, ...) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07
Tài sản cố định hữu hình khác	06 - 08

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản thuê</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 07 – 10 năm.

Giấy phép nhượng quyền

Chi phí liên quan đến các giấy phép nhượng quyền thương hiệu. Nguyên giá của giấy phép nhượng quyền là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm có được giấy phép nhượng quyền. Giấy phép nhượng quyền được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

12. Lợi thế thương mại

Giá trị lợi thế thương mại là giá trị phát sinh khi hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại Tập đoàn phân bổ không quá 10 năm.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các Công ty con cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm, hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm, hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch sản phẩm, bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch sản phẩm, bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại.

18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ và số lượng bình quân của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)**26. Báo cáo theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ (đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	3.694.760.757	2.670.187.967
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	348.455.882.700	192.791.929.632
- Tiền đang chuyển	2.000.000.000	-
- Các khoản tương đương tiền	-	431.088.356.000
Cộng	<u>354.150.643.457</u>	<u>626.550.473.599</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi tiết kiệm trên 03 tháng và dưới 12 tháng.

Trong đó giá trị khoản tiền gửi tiết kiệm cuối kỳ dùng để thế chấp các khoản vay là 4.500.000.000 đồng (xem tại thuyết minh V.20).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng chủ yếu là phải thu thương mại mua bán phân bón các loại.

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng là bên liên quan	-	-
Phải thu khách hàng không là bên liên quan	1.155.390.687.144	499.278.076.972
- Công ty TNHH Yetak – Cambodia	279.031.402.380	68.168.104.620
- Công ty TNHH TMDV Phân bón Tuấn Vũ	71.709.962.300	29.474.356.800
- Các khách hàng khác	804.649.322.464	401.635.615.552
Cộng	<u>1.155.390.687.144</u>	<u>499.278.076.972</u>

Trong đó, giá trị nợ phải thu khách hàng luân chuyển cuối kỳ dùng để thế chấp các khoản vay là 132.133.778.376 đồng (xem tại thuyết minh V.20).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán là bên liên quan	1.619.305.309	1.619.305.309
- Công ty CP DAP số 2 – VINACHEM	1.619.305.309	1.619.305.309
Trả trước cho người bán không là bên liên quan	29.763.118.648	4.813.595.795
- Công ty Cổ phần DV Star International	7.296.468.800	-
- Trả trước cho người bán khác	22.466.649.848	4.813.595.795
Cộng	<u>31.382.423.957</u>	<u>6.432.901.104</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Phải thu khác là bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu khác không là bên liên quan</i>	14.720.257.956	-	14.620.732.585	-
- Tạm ứng nhân viên	904.189.867	-	673.193.326	-
- Phải thu ngắn hạn khác	13.816.068.089	-	13.947.539.259	-
Cộng	14.720.257.956	-	14.620.732.585	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Phải thu khác là bên liên quan</i>	3.834.841.545	-	3.834.841.545	-
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	3.834.841.545	-	3.834.841.545	-
<i>Phải thu khác không là bên liên quan</i>	822.671.000	-	815.257.435	-
- Phải thu dài hạn khác	822.671.000	-	815.257.435	-
Cộng	4.657.512.545	-	4.650.098.980	-

6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty TNHH TM XNK Hùng Tiến	13.627.505.762 (13.627.505.762)		23.950.709.654 (23.950.709.654)	
- Công ty TNHH MTV VTNN VT Tiến Thành	23.950.709.654 (23.950.709.654)		13.627.505.762 (13.627.505.762)	
- Các đối tượng khác	20.134.011.254 (19.908.363.024)		20.214.011.254 (18.977.900.340)	
Cộng	57.712.226.670 (57.486.578.440)		57.792.226.670 (56.556.115.756)	

Tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(56.556.115.756)	(45.738.580.239)
Dự phòng tăng trong kỳ	(930.462.684)	(6.557.962.166)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	127.500.000
Số cuối kỳ	(57.486.578.440)	(52.169.042.405)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	1.014.341.158.111	(585.261.867)	837.464.676.207	(585.261.867)
- Công cụ, dụng cụ	11.442.725.282	-	13.371.770.436	-
- Chi phí SXKD dở dang	19.996.962.920	-	98.969.133.605	-
- Thành phẩm ⁽²⁾	373.764.740.225	-	464.898.486.791	-
- Hàng hóa	6.906.876.071	-	7.921.825.300	-
- Hàng gửi đi bán	-	-	44.056.244.095	-
Cộng	1.426.452.462.609	(585.261.867)	1.466.682.136.434	(585.261.867)

Trong đó giá trị hàng tồn kho luân chuyển cuối kỳ dùng để thế chấp các khoản vay là 851.750.323.464 đồng (xem tại thuyết minh V.20).

⁽¹⁾ Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là nguyên liệu phân bón các loại: U-rê, DAP, cao lanh,...

⁽²⁾ Thành phẩm là phân bón các loại.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	2.461.390.895	2.470.367.196
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.309.559.175	3.506.941.132
Cộng	7.770.950.070	5.977.308.328

Tình hình tăng, giảm chi phí trả trước ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	5.977.308.328	6.033.124.569
Tăng trong kỳ	6.074.115.924	8.415.788.192
Phân bổ trong kỳ	(4.280.474.182)	(10.522.908.901)
Số cuối kỳ	7.770.950.070	3.926.003.860

8b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa	2.839.510.385	2.357.563.133
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	2.001.263.484	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.636.339.467	314.204.595
Cộng	6.477.113.336	2.671.767.728

Tình hình tăng, giảm chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	2.671.767.728	2.904.397.518
Tăng trong kỳ	5.886.680.417	134.333.096
Phân bổ trong kỳ	(2.081.334.809)	(783.596.487)
Số cuối kỳ	6.477.113.336	2.255.134.127

9. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục số 01.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	7.199.285.000	4.620.321.100	11.819.606.100
2. Tăng trong kỳ	-	3.464.100.000	3.464.100.000
- Mua mới trong kỳ	-	934.200.000	934.200.000
- Phân loại lại	-	2.529.900.000	2.529.900.000
3. Giảm trong kỳ	2.874.695.000	2.430.405.000	5.305.100.000
- Giảm do chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	2.430.405.000	2.430.405.000
- Hoàn trả TSCĐ thuê tài chính	344.795.000	-	344.795.000
- Phân loại lại	2.529.900.000	-	2.529.900.000
4. Số cuối kỳ	4.324.590.000	5.654.016.100	9.978.606.100
II. Giá trị hao mòn			
1. Số đầu năm	1.117.072.521	1.599.490.250	2.716.562.771
2. Khấu hao tăng trong kỳ	374.748.957	1.059.129.181	1.433.878.138
- Khấu hao trong kỳ	374.748.957	520.941.706	895.690.663
- Phân loại lại	-	538.187.475	538.187.475
3. Giảm trong kỳ	720.162.598	1.390.375.037	2.110.537.635
- Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	1.390.375.037	1.390.375.037
- Hoàn trả TSCĐ thuê tài chính	181.975.123	-	181.975.123
- Phân loại lại	538.187.475	-	538.187.475
Số cuối kỳ	771.658.880	1.268.244.394	2.039.903.274
III. Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.082.212.479	3.020.830.850	9.103.043.329
Số cuối kỳ	3.552.931.120	4.385.771.706	7.938.702.826

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không có thời hạn ^(*)	Quyền sử dụng đất có thời hạn ^(*)	Giấy phép nhượng quyền	Chương trình phần mềm	Cộng
I. Nguyên giá					
Số đầu năm	114.687.620.655	124.498.292.402	324.400.000	5.558.105.800	245.068.418.857
Mua trong kỳ	-	-	-	300.000.000	300.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	108.175.000	108.175.000
Số cuối kỳ	114.687.620.655	124.498.292.402	324.400.000	5.749.930.800	245.260.243.857
II. Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	-	38.407.704.161	324.400.000	2.746.833.807	41.478.937.968
Khấu hao trong kỳ	-	1.389.429.458	-	387.779.992	1.777.209.450
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	108.175.000	108.175.000
Số cuối kỳ	-	39.797.133.619	324.400.000	3.026.438.799	43.147.972.418
III. Giá trị còn lại					
Số đầu năm	114.687.620.655	86.090.588.241	-	2.811.271.993	203.589.480.889
Số cuối kỳ	114.687.620.655	84.701.158.783	-	2.723.492.001	202.112.271.439

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.304.439.056 đồng.
- Giá trị còn lại của một số TSCĐ vô hình dùng để thế chấp các khoản vay là 26.676.614.196 đồng (xem tại thuyết minh V.20).

(*) Quyền sử dụng đất cuối kỳ của Tập đoàn gồm:

- Khu đất tọa lạc tại C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Giá trị đất được ghi nhận theo Quyết định số 32/QĐ-BTC ngày 03/01/2007 của Bộ Tài chính và Văn bản số 9402/BTC-QLCS ngày 12/8/2008 của Bộ Tài chính về việc phê duyệt phương án xử lý tổng thể các cơ sở nhà đất của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam trước đây) tại Tp. Hồ Chí Minh. Năm 2019, Công ty đã di dời, không hoạt động trên khu đất này. Hiện nay, Nhà nước đang làm thủ tục thu hồi lại khu đất này.
- Quyền sử dụng đất số T00080/QSĐĐ/0401-LA tọa lạc tại xã Long Cang, tỉnh Tây Ninh. Thời hạn sử dụng đến ngày 08/09/2054.
- Quyền sử dụng 30.317,9 m² đất thuê (thửa số 856; tờ bản đồ số 26) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU461065 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 16/06/2020. Quyền sử dụng này đã thế chấp khoản vay (xem thêm tại Thuyết minh V.20). Thời hạn sử dụng 50 năm.
- Quyền sử dụng 87.400 m² đất thuê (thuộc TK 278B (thửa số 2); tờ bản đồ số 100002) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA010541 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 12/03/2010. Quyền sử dụng này đã thế chấp khoản vay (xem thêm tại Thuyết minh V.20). Thời hạn sử dụng 50 năm.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CO5560264, CO5560265 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 31/07/2014. Quyền sử dụng này đã thế chấp khoản vay (xem thêm tại Thuyết minh V.20). Thời hạn sử dụng 50 năm.
- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ241094 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 02 tháng 12 năm 2016 với tổng diện tích 10.202,50 m² thuộc lô đất số A20B, đường C4, KCN Thành Thành Công, phường Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Thời hạn sử dụng 42 năm.
- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM189701 và BM189701 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 19 tháng 01 năm 2015 với tổng diện tích 15.233,20 m² thuộc lô đất số A10, đường C4, KCN Bourbon An Hòa, phường Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Thời hạn sử dụng 45 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa tại nhà máy của công ty mẹ	4.927.245.300	4.663.245.300
- Chi phí sửa chữa tại nhà máy của các công ty con	3.513.957.010	3.021.460.960
Cộng	8.441.202.310	7.684.706.260

13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị được đầu tư	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý ⁽¹⁾	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý ⁽¹⁾	Dự phòng
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà ⁽²⁾	11.661.918.871	5.161.315.268	(6.500.603.603)	11.661.918.871	5.161.315.268	(6.500.603.603)
Cộng	11.661.918.871	5.161.315.268	(6.500.603.603)	11.661.918.871	5.161.315.268	(6.500.603.603)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN*Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh***BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ***Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025***Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)**

(1) Đối với cổ phiếu có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 30/06/2025 của các Sở giao dịch chứng khoán. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký và không có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

(2) Khoản đầu tư vào Công ty CP Du lịch Sài Gòn – Đông Hà tương ứng 1.164.564 cổ phần, (chiếm tỷ lệ 6,28% vốn điều lệ) mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường, Tập đoàn xác định giá trị hợp lý bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

14. Lợi thế thương mại

Các khoản lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua các công ty con đã được phân bổ hết do đã phân bổ hết thời gian phân bổ tối đa 10 năm.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

<i>Chi tiết gồm:</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán là bên liên quan	-	11.422.782.000
- Công ty CP DAP Vinachem	-	11.422.782.000
Phải trả người bán không là bên liên quan	640.484.498.481	456.585.948.488
- Công ty CP Đầu tư và XNK Long Hưng - Hà Nội	113.964.573.000	85.514.660.000
- Công ty TNHH Nguyễn Phan	117.599.383.500	-
- Các nhà cung cấp khác	408.920.541.981	371.071.288.488
Cộng	640.484.498.481	468.008.730.488

Trong đó: Số nợ quá hạn chưa thanh toán: 0 đồng.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

<i>Chi tiết gồm:</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước là bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước không là bên liên quan	15.146.238.344	21.599.877.173
- Công ty TNHH MTV Lân Tuyển	8.497.085.000	328.699.880
- Các người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	6.649.153.344	21.271.177.293
Cộng	15.146.238.344	21.599.877.173

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	585.068.262	25.445.607	1.299.186.844	(1.078.979.081)	805.276.025	25.445.607
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	98.600.850	(98.600.850)	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	450.355.250	(450.355.250)	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.356.884.171	-	48.197.725.317	(47.493.696.308)	32.091.572.786	30.659.606
- Thuế thu nhập cá nhân	4.901.713.347	258.561.503	13.975.707.371	(15.730.403.523)	3.096.555.484	208.099.792
- Thuế nhà đất, thuê đất	510.305.541	-	3.483.125.268	(2.741.739.424)	741.385.844	-
- Thuế môn bài	-	4.000.000	20.000.000	(16.000.000)	-	-
- Giá trị quyền sử dụng đất	114.687.620.655	-	-	-	114.687.620.655	-
- Các khoản khác	2.239.406	-	(127.662.851)	(323.505.253)	131.867.172	230.626.089
Cộng	151.533.525.841	288.007.110	67.397.038.049	(67.933.279.689)	151.554.277.966	494.831.089

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	322.036.622.807	325.387.217.919
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	328.141.760	4.703.180.481
+ Chi phí không hợp lý	328.141.760	4.703.180.481
- Các khoản điều chỉnh giảm	(75.929.473.300)	(60.713.564.500)
+ Hoàn nhập chênh lệch tạm thời được khấu trừ kỳ trước	(75.929.473.300)	(60.713.564.500)
Thu nhập chịu thuế	246.435.291.267	269.377.147.100
Kết chuyển lỗ tính thuế các kỳ trước chuyển sang	-	(23.499.192.192)
Thu nhập tính thuế	246.435.291.267	245.877.954.908
Thuế TNDN phải nộp theo Thu nhập tính thuế trong kỳ (với thuế suất 20%)	49.287.058.254	49.175.590.982
Truy thu thuế của các năm trước	(1.089.332.937)	214.842.357
Tổng Thuế TNDN phải nộp trong năm	48.197.725.317	49.390.433.339

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước chi phí chiết khấu, khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng cho đại lý	220.621.458.133	141.462.543.471
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	28.978.922.999	6.129.494.502
Cộng	249.600.381.132	147.592.037.973

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

19. Phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:

Phải trả các bên liên quan**Phải trả các đơn vị và cá nhân khác**

- Kinh phí công đoàn

- Cổ tức phải trả

- Các khoản phải trả ngắn hạn khác

Cộng**Số cuối kỳ****Số đầu năm**

-

-

10.936.242.373**15.255.393.272**

3.464.398.094

2.944.389.936

4.179.315.000

-

3.293.265.006

12.311.003.336

10.936.978.100**15.255.393.272****20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn****20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân là bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác không là bên liên quan	758.569.468.081	758.569.468.081	770.797.573.553	770.797.573.553
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tp. HCM ⁽¹⁾	179.494.549.139	179.494.549.139	113.789.858.798	113.789.858.798
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tp. HCM ⁽²⁾	69.281.108.000	69.281.108.000	31.483.351.500	31.483.351.500
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Bắc Sài Gòn ⁽³⁾	31.548.485.824	31.548.485.824	24.972.607.161	24.972.607.161
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Bến Nghé ⁽⁴⁾	56.564.400.000	56.564.400.000	49.705.651.500	49.705.651.500
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN – CN Tây Sài Gòn ⁽⁵⁾	49.681.939.440	49.681.939.440	39.110.891.809	39.110.891.809
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Quảng Trị ⁽⁶⁾	22.465.459.719	22.465.459.719	54.619.216.300	54.619.216.300
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Quảng Trị ⁽⁷⁾	45.867.390.800	45.867.390.800	34.864.186.137	34.864.186.137
- Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn VN – CN Quảng Trị ⁽⁸⁾	20.630.814.791	20.630.814.791	6.079.375.000	6.079.375.000
- Câu lạc bộ Nghĩa tình Quảng Trị ⁽⁹⁾	3.424.000.000	3.424.000.000	3.424.000.000	3.424.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Lâm Đồng	-	-	21.663.848.500	21.663.848.500
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Lâm Đồng	-	-	59.424.507.500	59.424.507.500
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Ninh Bình ⁽¹⁰⁾	50.003.788.605	50.003.788.605	162.034.303.487	162.034.303.487
- Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Ninh Bình ⁽¹¹⁾	59.948.063.400	59.948.063.400	55.334.011.211	55.334.011.211
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Tây	-	-	24.483.182.750	24.483.182.750
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – CN 3 ⁽¹²⁾	116.644.225.200	116.644.225.200	89.808.581.900	89.808.581.900

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Ninh Bình ⁽¹³⁾	47.703.558.163	47.703.558.163	-	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN huyện Đức Trọng Lâm Đồng ⁽¹⁴⁾	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả ⁽¹⁵⁾	311.685.000	311.685.000	803.745.000	803.745.000
Cộng	758.569.468.081	758.569.468.081	771.601.318.553	771.601.318.553

(1) Thông tin khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tp. HCM như sau:

Hạn mức tín dụng: 700.000.000.000 đồng.

Hình thức vay: tín chấp.

Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, dưới 12 tháng.

Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ.

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.

Tài sản đảm bảo:

+ Toàn bộ hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh, thuộc sở hữu của Công ty CP Bình Điền - Mekong và được để tại kho hàng tại địa chỉ Lô A10.1 đường D3, KCN Thành Thành Công, phường Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Giá trị tài sản đảm bảo là hàng hóa được thế chấp vào ngày ký hợp đồng là 40 tỷ đồng theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 0093/2138/TCDN2 ngày 01/07/2021 (xem tại Thuyết minh V.7);

+ Số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty CP Bình Điền - Mekong mở tại ngân hàng theo hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số 0092/2238/CCDN2 ký ngày 14/04/2022 là 2.000.000.000 đồng giữa ngân hàng và Công ty cùng các hợp đồng sửa đổi, bổ sung, các văn bản, phụ lục đính kèm (nếu có) (xem tại Thuyết minh V.2).

(2) Thông tin khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tp. HCM như sau:

Hạn mức tín dụng: 550.000.000 đồng.

Hình thức vay: tín chấp.

Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, dưới 12 tháng.

Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ.

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

(3) Thông tin khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Bắc Sài Gòn như sau:

Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 đồng.

Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, tối đa không quá 6 tháng.

Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ.

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.

Tài sản đảm bảo: Số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty mở tại ngân hàng theo hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số SHB/BSG/BDMK/HDTD/2024-01 ký ngày 27/05/2024 là 2.500.000.000 đồng giữa ngân hàng và Công ty cùng các hợp đồng sửa đổi, bổ sung, các văn bản, phụ lục đính kèm (nếu có) (xem tại Thuyết minh V.2).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

- (4) Thông tin khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Bến Nghé như sau:
- Hạn mức tín dụng: 400.000.000.000 đồng.
- Hình thức vay: tín chấp.
- Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, dưới 12 tháng.
- Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ.
- Hiệu lực: đến ngày 20/09/2025.
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
- (5) Thông tin khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Sài Gòn như sau:
- Hạn mức tín dụng: 90.000.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, dưới 06 tháng.
- Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ.
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Tài sản đảm bảo:
- Toàn bộ hàng hóa luân chuyển tại mọi thời điểm với giá trị không thấp hơn 70.000.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.7).
 - Nhà cửa, kiến trúc và máy móc thiết bị tại nhà máy phân bón Bình Điền - Mekong tại KCN Thành Thành Công, phường Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh của Công ty CP Bình Điền – MeKong (xem tại Thuyết minh V.9).
- (6) Thông tin khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Quảng Trị như sau:
- Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, dưới 12 tháng.
- Thời hạn duy trì hạn mức: từ ngày 16/06/2025 đến ngày 15/06/2026.
- Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ.
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Tài sản đảm bảo:
- Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 2404/2018/HĐBĐ/NHCT450 ngày 03/05/2018 (xem tại Thuyết minh V.9).
 - Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 1211/2019/HĐBĐ/NHCT450 - BÌNH DIEN ngày 13/11/2019 (xem tại Thuyết minh V.9).
 - Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số 01-1511/2018/HĐBĐ/NHCT450 ngày 19/11/2018 (xem tại Thuyết minh V.3 và V.9).
 - Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 02-1511/2018/HĐBĐ/NHCT450 - BÌNH DIEN ngày 19/11/2018 (xem tại Thuyết minh V.9).
 - Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 1211-2/2019/HĐBĐ/NHCT450 - BÌNH DIEN ngày 13/11/2019 (xem tại Thuyết minh V.9).
 - Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 1211-1/2019/HĐBĐ/NHCT450 - BÌNH DIEN ngày 13/11/2019 (xem tại Thuyết minh V.9).
 - Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 1511/2018/HĐBĐ/NHCT450 ngày 19/11/2018 (xem tại Thuyết minh V.9).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

- Hợp đồng thế chấp Hàng hoá số 1403/2014/TCHH ngày 14/03/2014 (xem tại Thuyết minh V.7).
- Hợp đồng thế chấp Quyền Tài sản số 1403/2014/TCQTS ngày 14/03/2014 (xem tại Thuyết minh V.7).
- (7) Thông tin khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Quảng Trị như sau:
Hạn mức tín dụng: 90.000.000.000 đồng.
Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, dưới 12 tháng.
Thời hạn duy trì hạn mức: đến hết ngày 01/08/2025.
Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ.
Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
Tài sản đảm bảo: Hợp đồng thế chấp hàng hoá số 29BB.HĐTC/2019 ngày 17/07/2019 (xem tại Thuyết minh V.7).
- (8) Thông tin khoản vay NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Quảng Trị như sau:
Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 đồng.
Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, dưới 12 tháng.
Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ.
Mục đích vay: Thanh toán tiền mua nguyên, nhiên vật liệu và các chi phí lưu động khác phục vụ sản xuất kinh doanh.
Tài sản đảm bảo: Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/TSHTTLT ngày 11/11/2019 (xem Thuyết minh V.9).
- (9) Thông tin khoản vay Câu lạc bộ Nghĩa Tình Quảng Trị như sau:
Số tiền vay: 3.424.000.000 đồng.
Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, dưới 12 tháng.
Lãi suất: 10%/năm.
Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
Tài sản đảm bảo: tín chấp
- (10) Thông tin khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Ninh Bình như sau:
Hạn mức tín dụng: 550.000.000.000 đồng.
Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, dưới 12 tháng.
Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ.
Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
Tài sản đảm bảo:
 - Toàn bộ hạn mục công trình gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền – Ninh Bình được xây dựng và lắp đặt trên diện tích 113.603,2 m² tại khu công nghiệp Khánh Phú, phường Đông Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình (xem tại Thuyết minh V.9).
 - Toàn bộ vật tư, dây chuyền, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn, ... được lắp đặt, vận hành và thuộc dự án nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền – Ninh Bình được tại khu công nghiệp Khánh Phú, phường Đông Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình (xem tại Thuyết minh V.9).
 - Hàng hoá tồn kho luân chuyển và quyền phải thu luân chuyển của Công ty CP Bình Điền – Ninh Bình (xem tại Thuyết minh V.3, V.7).

12817
ÔNG T
NHIỆM H
ÁN VÀ
ÁN V
P. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

- (11) Thông tin khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Ninh Bình như sau:
- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng.
 - Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, dưới 12 tháng.
 - Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ.
 - Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
 - Tài sản đảm bảo: tín chấp
- (12) Thông tin khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – CN3 như sau :
- Hạn mức tín dụng: 130.000.000.000 đồng.
 - Hình thức vay: tín chấp.
 - Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, dưới 12 tháng.
 - Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ.
 - Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
- (13) Thông tin vay ngân hàng TMCP Hàng Hải VN- Chi nhánh Ninh Bình như sau:
- Hạn mức vay: 50.000.000.000 đồng
 - Lãi suất: theo từng lần trên giấy nhận nợ
 - Thời hạn vay: đến hết ngày 06/11/2025.
 - Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động
 - Tài sản đảm bảo: vay tín chấp
- (14) Thông tin vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Đức Trọng Lâm Đồng như sau:
- Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng.
 - Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ.
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Tài sản thế chấp:
 - + Quyền sở hữu Công trình xây dựng và quyền sử dụng đất tại Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 461065. (Xem tại thuyết minh V.11)
 - + Hàng tồn kho luân chuyển theo hợp đồng thế chấp Hàng hóa số 41DN-TC/2020/HĐBĐ/NHCT620 ngày 08/07/2020. (Xem tại thuyết minh V.7).
- (15) Thông tin nợ vay tài chính dài hạn đến hạn trả như sau sau:
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 90.23.10/CTTC ngày 08/12/2023 và Hợp đồng cho thuê tài chính số 90.23.11/CTTC ngày 08/12/2023, với số tiền thuê đến hạn còn phải trả tại ngày 30/06/2025 lần lượt là 147.555.000 đồng và 164.130.000 đồng. Thời hạn cho thuê của các hợp đồng này là 36 tháng, lãi suất xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng hình thức trả lãi sau áp dụng đối với cá nhân do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân đầu tiên và các thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2,6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình tăng, giảm các khoản vay, nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	770.797.573.553	1.878.890.999.704	(1.891.430.790.176)	758.257.783.081
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	803.745.000	-	(492.060.000)	311.685.000
Cộng	771.601.318.553	1.878.890.999.704	(1.891.922.850.176)	758.569.468.081

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác là bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác không là bên liên quan</i>	3.200.000.000	3.200.000.000	4.480.000.000	4.480.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Tây Sài Gòn ⁽¹⁾	3.200.000.000	3.200.000.000	4.480.000.000	4.480.000.000
<i>Nợ thuê tài chính dài hạn</i>	4.866.814.751	4.866.814.751	4.805.621.916	4.805.621.916
- Công ty Cho thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease ⁽²⁾	486.443.562	486.443.562	726.120.421	726.120.421
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV – SUMI TRUST – CN Tp. HCM ⁽³⁾	3.757.001.189	3.757.001.189	3.456.131.495	3.456.131.495
- Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Tp. Hồ Chí Minh ⁽⁴⁾	623.370.000	623.370.000	623.370.000	623.370.000
Cộng	8.066.814.751	8.066.814.751	9.285.621.916	9.285.621.916

⁽¹⁾ Thông tin khoản vay NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Sài Gòn Bình như sau:

Hạn mức tín dụng: 49.000.000.000 đồng.

Thời hạn vay: 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ.

Mục đích vay: Đầu tư xây dựng dự án nhà máy sản xuất phân bón và thuốc bảo vệ thực vật Bình Điền - Mekong.

Tài sản đảm bảo:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO-560468 tại Lô A10.1 Đường D3, KCN Thành Thành Công, phường Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Tây Ninh cấp theo HĐ thế chấp bất động sản số 180580192/2018/HĐBD/NHCT923 ngày 12/07/2018 (xem tại Thuyết minh V.11).

⁽²⁾ Thông tin khoản nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc tế Chailease như sau:

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số B220306003 ngày 07/03/2022, có tổng giá trị thuê là 840.000.000 đồng. Thời hạn: 48 tháng, lãi suất: 8,62%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số B240123403 ngày 18/01/2024, có tổng giá trị thuê là 430.000.000 đồng. Thời hạn :36 tháng, lãi suất: 10,14%/năm.

- (3) Thông tin khoản nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV – SUMI TRUST – CN Tp. HCM như sau:

Giá trị thuê: 3.507.570.000 đồng.

Thời hạn thuê: 60 tháng.

Lãi suất: 4,7%/năm.

- (4) Thông tin khoản nợ thuê tài chính dài hạn theo các Hợp đồng cho thuê tài chính số 90.23.10/CTTC ngày 08/12/2023 và Hợp đồng cho thuê tài chính số 90.23.11/CTTC ngày 08/12/2023, với số tiền thuê dài hạn còn phải trả tại ngày 30/06/2025 lần lượt là 271.710.000 đồng và 351.660.000 đồng. Thời hạn cho thuê của các hợp đồng này là 36 tháng, lãi suất xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng hình thức trả lãi sau áp dụng đối với cá nhân do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân đầu tiên và các thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2,6%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay, nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn và nợ thuê tài chính	9.285.621.916	4.134.200.000	(5.353.007.165)	8.066.814.751
Cộng	9.285.621.916	4.134.200.000	(5.353.007.165)	8.066.814.751

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	37.316.529.781	54.491.878.006	1.281.567.500	(19.416.404.573)	73.673.570.714
Cộng	37.316.529.781	54.491.878.006	1.281.567.500	(19.416.404.573)	73.673.570.714

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 02 đính kèm.

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Chi tiết gồm:	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	371.592.000.000	65,00	371.592.000.000	65,00
- Các cổ đông khác	200.087.930.000	35,00	200.087.930.000	35,00
Cộng	571.679.930.000	100,00	571.679.930.000	100,00

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	571.679.930.000	571.679.930.000	-
Cộng	571.679.930.000	571.679.930.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

22c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	571.679.930.000	571.679.930.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	571.679.930.000	571.679.930.000
- Cổ tức, lợi nhuận công ty mẹ đã chia	142.919.982.500	114.335.986.000

22d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

22e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu dùng để bổ sung vốn điều lệ.

23. Các mục ngoài Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) giữa niên độ**Ngoại tệ các loại**

Chi tiết gồm:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	2.227.955,03	1.282.425,58

Nợ khó đòi đã xử lý

Chi tiết gồm:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Hoa Tường	3.364.075.368	3.364.075.368
Lê Văn Xuân Tường	827.267.218	827.267.218
Công ty TNHH MTV TM DV Vận tải Anh Kiệt S.G	692.787.624	692.787.624
Công ty TNHH MTV TM DV Hoàng Trang	538.038.555	538.038.555
DNTN Nguyễn Hương	507.374.220	507.374.220
DNTN Tiến Nam	195.615.850	195.615.850
Cộng	6.125.158.835	6.125.158.835

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN*Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh***BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ***Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025***Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ (đơn vị tính: VNĐ)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***Chi tiết gồm:*

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Doanh thu bán thành phẩm	6.145.061.972.920	4.739.693.867.046
- Doanh thu bán nguyên liệu, hàng hóa	30.515.080.591	174.932.841.527
- Doanh thu hoạt động dịch vụ, khác	5.943.138.343	14.398.328.033
Cộng	<u>6.181.520.191.854</u>	<u>4.929.025.036.606</u>

Doanh thu với các bên liên quan

Không phát sinh.

2. Các khoản giảm trừ*Chi tiết gồm:*

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán	92.695.299.797	72.567.926.994
- Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	<u>92.695.299.797</u>	<u>72.567.926.994</u>

3. Giá vốn hàng bán*Chi tiết gồm:*

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Giá vốn của thành phẩm	5.279.430.385.275	3.928.505.093.796
- Giá vốn của nguyên liệu, hàng hóa đã bán	21.529.111.980	166.458.898.903
- Giá vốn hoạt động dịch vụ, khác	398.550.885	9.064.688.751
Cộng	<u>5.301.358.048.140</u>	<u>4.104.028.681.450</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính*Chi tiết gồm:*

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lãi tiền gửi	4.171.599.294	1.353.815.434
- Lãi chênh lệch tỷ giá	8.193.355.330	11.161.688.070
- Doanh thu tài chính khác	-	161.738.162
Cộng	<u>12.364.954.624</u>	<u>12.677.241.666</u>

5. Chi phí tài chính*Chi tiết gồm:*

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	17.942.679.961	34.163.162.786
- Chiết khấu thanh toán	13.284.236.176	12.525.218.491
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	625.550.606	299.738.839
Cộng	<u>31.852.466.743</u>	<u>46.988.120.116</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	32.697.123.548	21.894.405.156
- Chi phí quảng bá, tiếp thị, hỗ trợ bán hàng	193.587.150.184	215.235.464.515
- Chi phí khấu hao TSCĐ	120.228.102	62.915.518
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.905.050.567	27.803.899.834
- Chi phí bằng tiền khác	54.972.446.244	37.246.372.077
Cộng	<u>329.281.998.645</u>	<u>302.243.057.100</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí nhân viên	56.806.874.693	42.687.549.079
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.599.054.030	3.488.191.016
- Trích lập/(Hoàn nhập) chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	933.462.684	(127.500.000)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.148.887.890	24.166.283.681
- Chi phí bằng tiền khác	12.946.536.170	17.530.595.948
Cộng	<u>117.434.815.467</u>	<u>87.745.119.724</u>

8. Thu nhập khác

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	804.200.000	-
- Thu nhập khác	521.396.439	1.022.787.313
Cộng	<u>1.325.596.439</u>	<u>1.022.787.313</u>

9. Chi phí khác

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lỗ từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	225.888.469	-
- Chi phí khác	325.602.849	3.764.629.082
Cộng	<u>551.491.318</u>	<u>3.764.629.082</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước (trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông của công ty mẹ	208.316.374.662	232.455.065.428
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(20.831.637.466)	(28.559.715.720)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	187.484.737.196	203.895.349.708
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	57.167.993	57.167.993
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	3.280	3.567

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi kỳ này được tạm trích 10% theo Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ trong kỳ này.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước (trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông của công ty mẹ	232.455.065.428	232.455.065.428
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(23.245.506.543)	(28.559.715.720)
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	209.209.558.885	203.895.349.708
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	57.167.993	57.167.993
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	3.280	3.567

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi kỳ này được tạm trích 10% theo Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ trong kỳ này.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

<i>Chi tiết gồm:</i>	Kỳ này	Kỳ trước (trình bày lại)
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.857.832.974.221	3.577.348.075.593
- Chi phí nhân công	252.888.639.932	176.382.059.220
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.281.300.886	47.149.896.763
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	204.669.426.543	48.230.723.438
- Các chi phí khác	288.940.139.538	381.641.197.449
Cộng	5.650.612.481.120	4.230.751.952.463

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ (đơn vị tính: VNĐ)**1. Chi tiết lưu chuyển tiền tệ**

Mã số 36. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	Kỳ này	Kỳ trước
- Công ty mẹ đã trả cổ tức, lợi nhuận cho cổ đông công ty mẹ	142.919.982.500	142.919.982.500
- Các công ty con đã trả cổ tức, lợi nhuận cho cổ đông không kiểm soát	24.175.783.072	16.577.895.600
Cộng	170.079.265.572	159.497.878.100

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Số liệu so sánh

Trình bày lại Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu của kỳ trước, do kỳ trước tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành, trong kỳ này đã được Đại hội cổ đông phê duyệt số chính thức.

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.660	(93)	3.567
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	3.660	(93)	3.567

4. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

4a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Kỳ này	Kỳ trước
Hội đồng quản trị		
Nguyễn Văn Thiệu - CT.HĐQT	67.000.000	58.000.000
Ngô Văn Đông - TV.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	467.142.000	517.774.000
Lê Quốc Phong - TV.HĐQT (miễn nhiệm ngày 29/04/2025)	53.555.000	41.555.000
Đỗ Quang Huy - TV.HĐQT	53.000.000	41.000.000
Phan Văn Tâm - TV. HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29/04/2025)	376.731.000	410.982.833
Nguyễn Bảo Vệ - TV.HĐQT	53.555.000	41.555.000
Cộng	1.070.983.000	1.110.866.833

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc	Kỳ này	Kỳ trước
Võ Văn Phú - Phó Tổng Giám đốc	385.731.000	456.363.000
Trần Ngọc Hùng - Kế toán trưởng	394.731.000	478.363.000
Cộng	780.462.000	934.726.000
Ban kiểm soát	Kỳ này	Kỳ trước
Trương Minh Phú - Trưởng BKS (miễn nhiệm 29/04/2025)	379.400.000	428.845.909
Nguyễn Huy Hiếu - Trưởng BKS (bổ nhiệm ngày 29/04/2025)	44.000.000	29.000.000
Quản Đình Gang - TV. BKS	44.555.000	29.555.000
Bùi Nguyễn Phương Anh - TV. BKS (bổ nhiệm ngày 29/04/2025)	54.887.500	
Cộng	522.842.500	487.400.909
Cổ tức trả cho người nội bộ	73.685.000	482.135.000

4b. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:	Mối quan hệ với Tập đoàn
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Là công ty mẹ (chiếm 65,00% vốn điều lệ của Công ty CP Phân bón Bình Điền)
Công ty CP DAP – VINACHEM	Công ty cùng tập đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty CP DAP số 2 – VINACHEM	Công ty cùng tập đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	Công ty cùng tập đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty CP SX TM DV Mai Xá	Có cùng nhân sự chủ chốt
Công ty CP Chế biến Gỗ Đức Thành	Có cùng nhân sự chủ chốt (ông Trần Ngọc Hùng là Thành viên Ban kiểm soát)
Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Có cùng nhân sự chủ chốt (ông Nguyễn Văn Thiệu là Chủ tịch HĐQT)
Công ty CP SX và KD Phân bón Bình Điền II	Có cùng nhân sự chủ chốt (ông Lê Quốc Phong là Chủ tịch HĐQT)
Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Bình Định	Có cùng nhân sự chủ chốt (ông Lê Quốc Phong là Chủ tịch HĐQT)
Công ty CP Cao su Đà Nẵng	Có cùng nhân sự chủ chốt (ông Nguyễn Huy Hiếu là Thành viên HĐQT)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

- Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam		
- Chia trả cổ tức	92.898.000.000	92.898.000.000
Công ty CP DAP – VINACHEM		
- Mua hàng	61.191.200.000	74.621.116.680
Công ty CP DAP số 2 – VINACHEM		
- Mua hàng	-	2.745.750.000
Công ty CP SX TM DV Mai Xá		
- Mua hàng	560.944.252	51.163.949.392

- Số dư với các bên liên quan khác đã được trình bày tại thuyết minh số V.2, V.3, V.4, V.12, V.13, V.15.

5. Báo cáo bộ phận

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu kinh doanh phân bón các loại.

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Kỳ này

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.140.518.808.197	948.306.083.860	6.088.824.892.057
Giá vốn hàng bán	4.405.009.906.787	896.348.141.353	5.301.358.048.140
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	735.508.901.410	51.957.942.507	787.466.843.917

Kỳ trước

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.237.090.844.372	607.766.265.240	4.844.857.109.612
Giá vốn hàng bán	3.538.531.814.872	553.896.866.578	4.092.428.681.450
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	698.559.029.500	53.869.398.662	752.428.428.162

6. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Tài sản đảm bảo: Để đảm bảo cho khoản vay, Tập đoàn đã thế chấp khoản tiền gửi tiết kiệm, nợ phải thu khách hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình với tổng giá trị ghi sổ là 1.194.397.121.713 đồng (xem tại các Thuyết minh số V.2, V.3, V.7, V.9, V.11, V.20).

Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác

Công ty không có nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

7. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2025.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



HUỲNH THỊ LAN ANH

TRẦN NGỌC HÙNG

NGÔ VĂN ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
I. NGUYÊN GIÁ TSCĐ HỮU HÌNH						
1. Số dư đầu năm	656.992.582.271	535.042.091.307	55.963.581.310	11.515.488.744	17.147.507.272	1.276.661.250.904
2. Tăng trong kỳ	619.035.632	9.318.566.000	9.522.738.880	754.772.700	-	20.215.113.212
- Tăng do mua mới	310.025.632	8.973.771.000	7.092.333.880	754.772.700	-	17.130.903.212
- Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang	309.010.000	-	-	-	-	309.010.000
- Tài sản thuê tài chính kết chuyển sang	-	344.795.000	2.430.405.000	-	-	2.775.200.000
3. Giảm trong kỳ	705.835.500	4.639.710.530	2.566.596.962	-	-	7.912.142.992
- Thanh lý, nhượng bán	705.835.500	4.639.710.530	2.566.596.962	-	-	7.912.142.992
4. Số dư cuối kỳ	656.905.782.403	539.720.946.777	62.919.723.228	12.270.261.444	17.147.507.272	1.288.964.221.124
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
1 Số dư đầu năm	421.974.635.320	366.727.531.275	43.101.272.000	8.763.755.073	15.715.818.824	856.283.012.492
2. Tăng trong kỳ	19.993.259.468	20.952.746.047	3.392.016.091	579.276.619	263.452.708	45.180.750.933
- Khấu hao trong kỳ	19.993.259.468	20.770.770.924	2.001.641.054	579.276.619	263.452.708	43.608.400.773
- Tài sản thuê tài chính kết chuyển sang	-	181.975.123	1.390.375.037	-	-	1.572.350.160
3. Giảm trong kỳ	636.544.257	4.483.113.304	2.566.596.962	-	-	7.686.254.523
- Thanh lý, nhượng bán	636.544.257	4.483.113.304	2.566.596.962	-	-	7.686.254.523
4. Số dư cuối kỳ	441.331.350.531	383.197.164.018	43.926.691.129	9.343.031.692	15.979.271.532	893.777.508.902
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
1. Tại ngày đầu năm	235.017.946.951	168.314.560.032	12.862.309.310	2.751.733.671	1.431.688.448	420.378.238.412
2. Tại ngày cuối kỳ	215.574.431.872	156.523.782.759	18.993.032.099	2.927.229.752	1.168.235.740	395.186.712.222

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

334.161.362.403

Giá trị còn lại của TSCĐ dùng để thế chấp các khoản vay:

198.490.740.974

Người lập biểu



HUỲNH THỊ LAN ANH

Kế toán trưởng



TRẦN NGỌC HÙNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2025



Tổng Giám Đốc

NGÔ VĂN ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (*)	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024							
Tại ngày 01/01/2024	571.679.930.000	24.230.059.200	206.035.133.011	13.191.833.055	257.722.029.290	212.898.838.320	1.285.757.822.876
Tăng trong kỳ	-	-	9.596.198.425	-	232.455.065.428	31.399.319.452	273.450.583.305
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	232.455.065.428	31.399.319.452	263.854.384.880
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	9.596.198.425	-	-	-	9.596.198.425
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(153.145.151.138)	(21.875.594.392)	(175.020.745.530)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(9.596.198.425)	-	(9.596.198.425)
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành từ kết quả kinh doanh năm trước	-	-	-	-	(29.212.966.713)	(5.297.700.142)	(34.510.666.855)
- Chia cổ tức của năm 2023	-	-	-	-	(114.335.986.000)	(16.577.894.250)	(130.913.880.250)
Tại ngày 30/06/2024	571.679.930.000	24.230.059.200	215.631.331.436	13.191.833.055	337.031.943.580	222.422.563.380	1.384.187.660.651
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025							
Tại ngày 01/01/2025	571.679.930.000	24.230.059.200	215.631.331.436	13.191.833.055	432.999.233.030	259.631.364.016	1.517.363.750.737
Tăng trong kỳ	-	-	18.698.158.799	-	208.316.374.662	50.336.628.168	277.351.161.629
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	208.316.374.662	50.336.628.168	258.653.002.830
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	18.698.158.799	-	-	-	18.698.158.799
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(205.480.381.456)	(35.783.095.921)	(241.263.477.377)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(18.698.158.799)	-	(18.698.158.799)
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành từ kết quả kinh doanh năm trước	-	-	-	-	(43.862.240.157)	(11.607.312.849)	(55.469.553.006)
- Chia cổ tức của năm 2024	-	-	-	-	(142.919.982.500)	(24.175.783.072)	(167.095.765.572)
Tại ngày 30/06/2025	571.679.930.000	24.230.059.200	234.329.490.235	13.191.833.055	435.835.226.236	274.184.896.263	1.553.451.434.989

(*) Chi tiết tình hình tăng giảm Lợi ích cổ đông không kiểm soát cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 như sau:

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tại ngày 01/01/2025	Lãi/(Lỗ) trong kỳ	Phân phối lợi nhuận	Tại ngày 30/06/2025
Công ty CP Bình Điền Mê Kông	29.478.958.945	6.461.221.367	(4.368.346.887)	31.571.833.425
Công ty CP Bình Điền Quảng Trị	57.973.515.388	9.867.640.325	(7.932.630.930)	59.908.524.783
Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng	90.258.334.716	9.880.820.707	(18.678.996.659)	81.460.158.764
Công ty CP Bình Điền Ninh Bình	81.920.554.967	24.126.945.769	(4.803.121.445)	101.244.379.291
Cộng	259.631.364.016	50.336.628.168	(35.783.095.921)	274.184.896.263

Người lập biểu



HUỲNH THỊ LAN ANH

Kế toán trưởng



TRẦN NGỌC HÙNG



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2025

NGÔ VĂN ĐÔNG